TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 600/2022/HC–PT
Ngày 08 tháng 12 năm 2022
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 402/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 9 năm 2022 về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2022/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10997/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Ông Nguyễn Hùng T; địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, TP ., tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh T1; địa chỉ: Số E, Đại lộ H, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

***- Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Văn M; chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H; địa chỉ: Tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh T1; địa chỉ: Số E, Đại lộ H, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Người khởi kiện, ông Nguyễn Hùng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện trình bày:*

Ông Nguyễn Hùng T và gia đình sử dụng thửa đất số 1 bản đồ GPMB với tổng diện tích là 188,3m^2 bị thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án "Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng khu 9 và khu A phường H, thành phố H". Trong đó 31m^2 thuộc thửa 84 bản đồ địa chính số 36 do nhận chuyển nhượng từ năm 1999 và sử dụng ổn định cho đến nay, còn 157,3m^2 còn lại thuộc thửa số 85 và thửa số 35 bản đồ địa chính số 36 là đất hoang và đất trống do UBND phường H quản lý, không được bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 24/3/2011, UBND thành phố H ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 768/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Hùng T là 281.604.000 đồng. Cùng ngày, UBND thành phố H ban hành Quyết định 771/QĐ-UBND phê duyệt phương án tái định cư cho gia đình ông T tại lô số 6, diện tích 63m^2, tại khu quy hoạch tự xây và tái định cư sau Đoạn quản lý đường sông 3, phường H, tiền sử dụng đất phải nộp là 453.600.000 đồng.

Sau khi nhận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Nguyễn Hùng T đã làm đơn kiến nghị với UBND thành phố H về việc hỗ trợ tiền chênh lệch giữa số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền sử dụng đất phải nộp của một suất đất ở tái định cư tối thiểu (60m^2) là 328.444.000 đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; điểm a, khoản 9, Điều 42 của Quyết định số 499/2010/QĐ-UB ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q.

Ngày 07/6/2016, UBND thành phố H có Công văn số 2838/UBND có nội dung không đồng ý hỗ trợ khoản tiền chênh lệch với giá trị suất tái định cư tối thiểu đối với gia đình ông T.

Vì vậy, ông Nguyễn Hùng T có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Hùng T, trú tại tổ A khu C phường H, TP . và buộc UBND thành phố H ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tiền sử dụng đất cho gia đình ông T.

- *Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:*

Tại Mục a, khoản 9, Điều 42 Quy định kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q quy định như sau: *"Hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở tại khu tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất nhỏ hơn giá trị một suất đất ở tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền tương đương với khoản chênh lệch đó. Giá trị một suất đất ở tái định cư tối thiểu được xác định theo giá đất ở tại khu tái định do UBND tỉnh quy định nhân với diện tích một suất đất ở tái định cư tối thiểu là 60m^2"*. Tuy nhiên, do tính đặc thù của các khu tái định cư trên địa bàn thành phố H chưa được đầu tư xây dựng Khu tái định cư theo nhiều cấp nhà, từng mức khác nhau, giá đất tương đương với từng diện tích (khu vực) bị thu hồi. Vì vậy, việc UBND Thành phố đã cấp đất tái định cư cho hộ ông T tại Khu tự xây và tái định cư sau Đoạn quản lý đường sông 3 (có giá trị lợi thế vị trí địa lý tốt hơn vị trí khu đất bị thu hồi) là đảm bảo quyền lợi tối đa (tốt hơn) cho hộ dân, nên UBND Thành phố không phê duyệt phương án hỗ trợ chênh lệch giữa số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất với giá trị một suất đất ở tái định cư tối thiểu cho hộ ông T hay bất cứ hộ dân nào thuộc diện GPMB trên địa bàn thành phố H.

Việc ông Nguyễn Hùng T khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H và buộc UBND thành phố H ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tiền sử dụng đất cho gia đình ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Nếu ông Nguyễn Hùng T không đồng ý TĐC tại Khu tự xây và tái định cư sau Đoạn quản lý đường sông 3, UBND Thành phố sẽ bố trí vào các Khu tái định cư khác có mức giá tương đương mức bồi thường đất theo đề nghị của gia đình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND phường H trình bày:*

Đồng ý với quan điểm của UBND thành phố H. Nếu so sánh giá trị giữa thửa đất thu hồi và thửa đất được tái định cư do UBND thành phố đã cấp cho hộ ông T tại Khu tự xây và tái định cư sau Đoạn quản lý đường sông 3: Vị trí đất tái định cư có vị trí địa lý tốt, giao thông đi lại thuận tiện nên giá trị đất cao hơn. Việc cấp đất tái định cư tại vị trí trên đã đảm bảo quyền, lợi ích tốt hơn cho ông Nguyễn Hùng T. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà* Trần Thị H *trình bày*: Thống nhất với quan điểm của ông Nguyễn Hùng T.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2022/HC-ST ngày 20/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định*:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T đối với yêu cầu: Hủy văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Hùng T trú tại tổ A khu C phường H, TP . và buộc UBND thành phố H ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tiền sử dụng đất cho gia đình ông T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2022, người khởi kiện ông Nguyễn Hùng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H có đơn kháng cáo cùng với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện của người khởi kiện ông Nguyễn Hùng T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày ý kiến theo sự uỷ quyền của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: Theo quy định tại khoản 1, Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; điểm a, khoản 9, Điều 42 Quyết định số 499/2010/QĐ-UB ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q thì gia đình ông Nguyễn Hùng T phải được hỗ trợ tiền chênh lệch giữa số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền sử dụng đất phải nộp của một suất đất ở tái định cư tối thiểu (60m^2) là 328.444.000 đồng. UBND thành phố H ban hành Công văn số 2838/UBND ngày 07/6/2016 trả lời đơn của ông T với nội dung không đồng ý hỗ trợ khoản tiền chênh lệch với giá trị suất tái định cư tối thiểu là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông T. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét thấy việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Hùng T được UBND thành phố H thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2022/HC-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H làm là trong hạn luật định; ông T đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, bà H chưa nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nhưng đã được chấp nhận thụ lý phúc thẩm

nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà vắng mặt người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền; người bị kiện và người đại diện theo uỷ quyền vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là huỷ văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H, buộc UBND thành phố H ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tiền sử dụng đất. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và là quyết định bị kiện, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 3; Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hùng T được thực hiện căn cứ vào các quyết định: Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của UBND thành phố H về việc thu hồi 188,3m^2 đất của hộ ông Nguyễn Hùng T để thực hiện dự án: Nhà sinh hoạt cộng đồng khu 9 và khu A phường H, thành phố H; Quyết định số 768/QĐ-UBND và Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông T; các quyết định này không bị khiếu kiện, nhưng là các quyết định liên quan đến quyết định bị khởi kiện, nên cần xem xét tính hợp pháp của các quyết định này theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

[2.1] Xét tính hợp pháp của văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H và các quyết định hành chính liên quan.

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định bị kiện và các quyết định có liên quan:

Thực hiện dự án: Nhà sinh hoạt cộng đồng khu I và khu A, phường H, thành phố H. Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của UBND thành phố H về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng khu I và khu A, phường H, thành phố H. Ngày 23/8/2010 UBND thành phố H ban hành Thông báo số 629/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi

thường giải phóng mặt bằng công trình: Nhà sinh hoạt cộng đồng khu 9 và khu A, phường H, thành phố H. Ngày 17/3/2011 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 718/QĐ-UBND thu hồi 188,3m^2 đất của hộ ông Nguyễn Hùng T. Ngày 24/3/2011 UBND thành phố H ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 768/QĐ-UBND và Quyết định 771/QĐ-UBND phê duyệt phương án tái định cư cho hộ gia đình ông T.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ ông T đã nhiều lần kiến nghị, đề nghị UBND thành phố H hỗ trợ khoản tiền chênh lệch với giá trị suất đất tái định cư tối thiểu tại khu tự xây và tái định cư sau đường sông 3 theo khoản 9, Điều 42 của Quy định kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q nên ngày 07/6/2016, UBND thành phố H ban hành văn bản số 2838/UBND, có nội dung: không đồng ý với đề nghị của ông Nguyễn Hùng T.

Như vậy, các quyết định có liên quan là Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 17/3/2011; Quyết định số 768/QĐ-UBND; Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 24/3/2011 và quyết định hành chính bị kiện là văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H được ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.1.2] Về nội dung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hùng T:

Hộ gia đình ông Nguyễn Hùng T sử dụng thửa đất số 1 bản đồ GPMB với tổng diện tích là 188,3m^2, bị thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án "Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng khu 9 và khu A phường H, thành phố H". Trong đó có 31m^2 thuộc thửa 84 bản đồ địa chính số 36 do nhận chuyển nhượng lại của ông, bà Nguyễn S - Nguyễn Thị C1 năm 1999; đối với 157,3m^2 đất còn lại thuộc thửa số 85 và thửa số 35 bản đồ địa chính số 36 là đất hoang và đất trống do UBND phường H quản lý, không được bồi thường, hỗ trợ.

Theo phương án bồi thường: Gia đình ông T được bồi thường tổng số tiền là 275.888.000 đồng và được 01 ô đất tái định cư tại ô đất số 06 diện tích 63m^2 tại: Khu tự xây và tái định cư sau đường sông 3 phường H, thành phố H; tổng số tiền đất tái định cư ông T phải nộp là: 453.600.000 đồng.

Sau khi nhận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Nguyễn Hùng T đã làm đơn kiến nghị với UBND thành phố H về việc được hỗ trợ tiền chênh lệch giữa số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất với tổng số tiền sử dụng đất phải nộp của một suất đất ở tái định cư tối thiểu (60m^2); theo quy định tại khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và điểm a, khoản 9, Điều 42 của Quyết định số 499/2010/QĐ-UB ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q.

Tại văn bản số 2838/UBND ngày 07/6/2016 của UBND thành phố H về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Hùng T, có nội dung:

"...- Yêu cầu hộ ông Nguyễn Hùng T nộp tiền sử dụng đất theo quy định của

pháp luật khi được giao đất tại khu tự xây và TĐC sau Đường Sông 3.

- Nếu hộ ông Nguyễn Hùng T tiếp tục đề nghị được hỗ trợ khoản tiền chênh lệch với xuất tái định cư tối thiểu nêu trên: Giao cho Phòng T2 tham mưu cho UBND thành phố thu hồi Quyết định giao đất cho hộ dân; bổ sung danh mục đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và tham mưu cho UBND thành phố bố trí TĐC cho hộ ông Nguyễn Hùng T vào các khu TĐC có giá đất tương đương với giá đất tại vị trí thu hồi ..."

Thửa đất của hộ gia đình ông T bị thu hồi, có vị trí đất bám mặt đường lớn hơn 3m (không bám mặt đường chính) và có độ chênh cao so với mặt đường, đi lại khó khăn. Hơn nữa, các khu tái định cư trên địa bàn thành phố H chưa được đầu tư xây dựng Khu tái định cư theo nhiều cấp nhà, từng mức khác nhau, giá đất tương đương với từng diện tích (khu vực) bị thu hồi. Trong khi đó, ô đất được bố trí tái định cư tại Khu tái định cư Đ 3 có điều kiện hạ tầng tốt hơn, giao thông đi lại thuận tiện và là khu vực trung tâm của thành phố H, giá trị chuyển nhượng thực tế cao hơn rất nhiều so với thửa đất bị thu hồi của gia đình ông T. Mặc dù hộ gia đình ông T không thuộc trường hợp được hưởng chế độ nợ tiền sử dụng đất trong thời hạn 5 năm, nhưng để tạo điều kiện tốt nhất UBND thành phố H đã vận dụng cho gia đình ông T được nợ tiền sử dụng đất và không phải trả lãi suất (Theo văn bản số 2117/UBND ngày 14/7/2011 của UBND thành phố H). Hộ gia đình ông T cũng không đề nghị UBND thành phố H bố trí lại đất tái định cư có giá trị đất tương đương với giá trị đất bị thu hồi, mà thực tế đã nhận đất tái định cư và đã được UBND thành phố H cấp giấy CNQSDĐ ngày 22/11/2011.

Như vậy, UBND thành phố H đã giải quyết đảm bảo tối đa quyền lợi và tạo điều kiện tốt nhất cho hộ gia đình ông Nguyễn Hùng T khi bị thu hồi đất; quyền lợi của gia đình ông T được đảm bảo, UBND thành phố H không phê duyệt phương án hỗ trợ chênh lệch giữa số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất với giá trị một suất đất ở tái định cư tối thiểu cho hộ ông T là phù hợp. Do đó, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T là có căn cứ pháp luật.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hùng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2022/HC–ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; án phí của ông T được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0016000 ngày 22/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng